

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **75/2020/HS-ST**
Ngày: 31-7-2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Hiếu.
2. Bà Trần Thanh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nga là thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Vương Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 69/2020/TLST-HS ngày 08 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2020/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

Phạm Văn T, sinh năm 1997, tại tỉnh Quảng Ngãi. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi; Chỗ ở hiện nay: 221/7 X, phường 26, quận B, thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh L và bà Phạm Thị T; bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền sự: Không.

Tiền án:

1/ Ngày 20/4/2016, bị Tòa án nhân dân quận B, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản” theo bản án số 122/2016/HSST. Đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/4/2017, chưa thi hành nghĩa vụ đóng án phí dân sự sơ thẩm và án phí hình sự sơ thẩm.

2/ Ngày 04/5/2018, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt 09 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản” theo bản án số 71/2018/HS-ST. Đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/10/2018.

Về nhân thân:

1/ Ngày 29/11/2015, bị Công an phường 12, quận G, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo T đã đóng phạt xong.

2/ Ngày 10/3/2020, bị công an phường 11, quận B, thành phố Hồ Chí Minh đưa đi cai nghiện ma túy tại cơ sở xã hội Thanh Thiếu Niên 2, thành phố Hồ Chí Minh để quản lý cắt cơn nghiện giải độc, tư vấn tâm lý trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Hiện đang chấp hành Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 163/2020/QĐ-TA ngày 14/5/2020 của Tòa án nhân dân quận B, thành phố Hồ Chí Minh tại cơ sở cai nghiện ma túy – Bảo trợ xã hội P, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/01/2020 đến ngày 15/01/2020. Sau đó được thay thế bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 18/L-CSĐT-TH ngày 15/01/2020 của cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện N.

Bị cáo bị bắt lại ngày 28/7/2020. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Bà Dương Thị L, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B1, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ ngày 23/12/2019, Phạm Văn T điều khiển xe mô tô không rõ biển số đến quán tạp hóa của chị Dương Thị L, sinh năm 1968 ngụ tại ấp B1, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai để mua đồ. Tại đây, T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của chị L. Lợi dụng lúc chị L sơ hở, T đã lén lút lấy 02 hộp sữa hiệu Ensure Gold, loại 400gr ở kệ đựng hàng rồi cho 02 hộp sữa này vào túi quần và mở ngăn kéo tủ lấy số tiền 350.000 đồng cho vào túi quần rồi đi về. Trên đường về, T bán hai hộp sữa này cho tiệm tạp hóa ở ven đường thành phố Hồ Chí Minh không rõ địa chỉ được 350.000 đồng tiêu xài cá nhân hết.

Vào khoảng 17 giờ ngày 24/12/2019, Phạm Văn T tiếp tục điều khiển xe mô tô không rõ biển số đến tiệm tạp hóa của chị L để trộm cắp tài sản. Lợi dụng lúc chị L sơ hở không để ý, T đã lấy trộm 01 hộp sữa hiệu PediaSure BA, loại 850gr ở kệ đựng hàng cho vào túi quần lưng và mở ngăn kéo lấy số tiền 50.000 đồng rồi đi về. Trên đường về T bán hai hộp sữa này cho tiệm tạp hóa ở ven đường thành phố Hồ Chí Minh không rõ địa chỉ được 400.000 đồng tiêu xài cá nhân hết.

Vào khoảng 14 giờ, ngày 04/01/2020, Phạm Văn T điều khiển xe mô tô không rõ biển số đến tiệm tạp hóa của chị L để trộm cắp tài sản. Lợi dụng lúc chị L sơ hở không để ý, T đã lấy trộm 01 hộp sữa hiệu Ensure Gold, loại 850 gr ở kệ đựng hàng cho vào túi quần lưng rồi đi về. Trên đường về T bán hai hộp sữa này cho tiệm tạp hóa ở ven đường thành phố Hồ Chí Minh không rõ địa chỉ được

280.000 đồng tiêu xài cá nhân hết.

Vào khoảng 14 giờ, ngày 06/01/2020, có anh Trần Thanh H, sinh năm 1999 chạy xe mô tô biển số 59V2-33861 chở T đi từ thành phố Hồ Chí Minh đến thành phố Vũng Tàu chơi. Trên đường đi, do không có tiền tiêu xài nên T nảy sinh ý định tiếp tục vào tiệm tạp hóa của chị L để trộm cắp tài sản. T nói H xuống quán ăn ven đường gần tạp hóa ngồi ăn để chờ T đi mua đồ. Khi vào tiệm tạp hóa, do khách ít nên chị L để ý nên T không thực hiện được hành vi trộm cắp mà chỉ mua ít đồ rồi đi ra. Do nhiều lần bị mất sữa, qua kiểm tra camera thì phát hiện T là người đã lấy đồ nên chị L gọi điện cho công an xã xuống làm việc. Lúc này, T đã bỏ đi, công an xã P mời H lên trụ sở làm việc. Biết hành vi phạm tội của mình bị phát hiện nên T đến công an xã P đầu thú và khai nhận về hành vi phạm tội của mình.

Tang vật vụ án:

+ 01 xe mô tô không rõ biển số, 02 hộp sữa Ensure Gold loại 400gr, 01 hộp sữa PediaSure BA loại 850gr; 01 hộp sữa Ensure Gold loại 850 gr và 400.000 đồng không thu giữ được.

+ 01 xe mô tô biển số 59V2-33861, 01 điện thoại Samsung A50; số tiền 1398.000 đồng; 02 giấy đăng ký xe; 01 chứng minh nhân dân; 01 thẻ ATM; 01 giấy phép lái xe (đều mang tên Trần Thanh H).

+ 01 điện thoại di động Oppo màu đen (thu giữ của T)

Tại Kết luận định giá tài sản số: 11/KLĐG-HĐĐG ngày 10/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N đã kết luận: 02 hộp sữa bột hiệu Ensure Gold 400gr, giá trị sử dụng còn lại 100% có trị giá 340.000 đồng/hộp; 01 hộp sữa bột hiệu PediaSure BA, loại 850gr, giá trị sử dụng còn lại 100% có trị giá 580.000 đồng và 01 hộp sữa bột hiệu Ensure Gold, loại 850gr, giá trị sử dụng còn lại 100% có trị giá 690.000 đồng. Tổng giá trị tài sản định giá là 1.950.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại bà Dương Thị L yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho bà L số tiền 2.350.000 đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường số tiền cho bà L.

Tại bản cáo trạng số 64/CT.VKS-NT ngày 28/5/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không ai có ý kiến hay khiếu nại gì về kết quả định giá của Hội đồng định giá nêu trên.

Bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với các tình tiết và chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo T phải bồi thường cho bị hại 2.350.000 đồng là giá trị tài sản và tiền đã chiếm đoạt của bà Dương Thị L.

Tiếp tục tạm giữ điện thoại di động hiệu Oppo, màu đen của bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Đối với Trần Thanh H là người điều khiển xe mô tô biển số 59V2-33861 chở Phạm Văn T, do anh H không biết T có ý định thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện N không xử lý là phù hợp với quy định pháp luật.

Đối với 01 xe mô tô biển số 59V2-33861, 01 điện thoại Samsung A50, số tiền 1.398.000 đồng; 02 giấy đăng ký xe; 01 chứng minh nhân dân; 01 thẻ ATM; 01 giấy phép lái xe (đều mang tên Trần Thanh H) do không liên quan đến vụ án nên cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện N đã trả lại cho chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.

Đối với xe mô tô không rõ biển số mà Phạm Văn T điều khiển đến quán tạp hóa của chị L để trộm cắp tài sản vào các ngày 23/12/2019; 24/12/2019 và 04/01/2020, do chưa thu hồi được, chưa xác định được xe mô tô này đang ở đâu và chủ sở hữu là ai nên cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện N tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

Sau khi nghe xong bản luận tội, bị cáo T không có ý kiến gì đối về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện N.

Lời nói sau cùng của bị cáo tại phiên tòa: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và bị cáo gửi lời xin lỗi tới bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu chứng cứ thu thập được có tại hồ sơ vụ án, cụ thể: Vào các ngày

23/12/2019; 24/12/2019; 04/01/2020 bị cáo T đã liên tục trộm cắp sữa và tiền tại quán chè L với tổng số tiền chiếm đoạt là 2.350.000 đồng. Bị cáo có 02 tiền án về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội. Hành vi của bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) như Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do lười lao động, muốn có tiền để tiêu xài cá nhân nên đã thực hiện hành vi phạm tội bất chấp hậu quả xảy ra. Tại thời điểm phạm tội, bị cáo đã có 02 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”, có nhân thân xấu nhưng vẫn không lấy đó làm bài học kinh nghiệm để cải tạo, rèn luyện bản thân. Điều đó chứng tỏ ý thức coi thường pháp luật của bị cáo. Vì vậy, cần áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự xử lý nghiêm, quyết định mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo.

Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn để cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới đủ tác dụng cải tạo bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội ra đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo không có tài sản, không có nghề nghiệp, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 2.350.000 đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường số tiền trên cho bị hại, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Đối với Trần Thanh H là người điều khiển xe mô tô biển số 59V2-33861 chở Phạm Văn T, do anh H không biết T có ý định thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện N không xử lý là phù hợp với quy định pháp luật.

[9] Đối với 01 xe mô tô biển số 59V2-33861, 01 điện thoại Samsung A50, số tiền 1.398.000 đồng; 02 giấy đăng ký xe; 01 chứng minh nhân dân; 01 thẻ ATM; 01 giấy phép lái xe (đều mang tên Trần Thanh H) do không liên quan đến

vụ án nên cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện N đã trả lại cho chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.

[10] Đối với xe mô tô không rõ biển số mà Phạm Văn T điều khiển đến quán tạp hóa của chị L để trộm cắp tài sản vào các ngày 23/12/2019; 24/12/2019 và 04/01/2020, do chưa thu hồi được, chưa xác định được xe mô tô này đang ở đâu và chủ sở hữu là ai nên cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện N tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

[11] Về án phí: Bị cáo Phạm Văn T phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/7/2020 nhưng được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giữ trước đó từ ngày 06/01/2020 đến ngày 15/01/2020.
3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46; khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) buộc bị cáo Phạm Văn T phải bồi thường cho bà Dương Thị L số tiền 2.350.000 đồng (hai triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Tiếp tục tạm giữ điện thoại di động hiệu Oppo màu đen của bị cáo để đảm bảo thi hành án (vật chứng hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 03/6/2020)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Lãi suất chậm trả được thực hiện theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án

dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự

4. Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Văn T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục THA dân sự H. N;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thu Trang